

Bản án số: 03/2022/HS-PT

Ngày: 24-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- *Tnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Công Hưng.

Các thẩm phán: Ông Mã Văn Quân

Ông Hoàng Văn Thụ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Vinh Thịnh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*
Bà Nông Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 62/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Ngô Văn T và đồng phạm Do có kháng cáo của các bị cáo Ngọc Văn H, Đàm Văn B, Đàm Thị A, Đàm Thị C, Ngô Văn T, Bé Thị D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đối với Bản án số: 60/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng.

Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngô Văn T**, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1970 tại xã F, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Phố K, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn D (đã chết) và bà Đặng Thị T; có vợ là Bé Thị D và có 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2020 đến 08/2/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện E; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 08/02/2021 đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Bé Thị D**, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1976 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Phố K, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bé Văn H (đã chết) và bà Chu Thị R; có chồng là Ngô Văn T và có 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự:

Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/11/2020 đến 14/11/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện E; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 14/11/2020 đến nay; có mặt.

3. Họ và tên: **Đàm Văn B**, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1993 tại xã S, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã S, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đàm Văn H và bà Nông Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/5/2019 bị Công an huyện P ra Quyết định xử phạt hành chính số 110/QĐ-XPHC về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/11/2020 đến 14/11/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện E; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 14/11/2020 đến nay; có mặt.

4. Họ và tên: **Đàm Thị C**, sinh ngày 25 tháng 2 năm 1982 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Phố K, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Tiểu thương; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Công K (đã chết) và bà Vi Thi Lương; có chồng là Hoàng Văn P và có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/11/2011 bị Công an tỉnh Cao Bằng ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

5. Họ và tên: **Đàm Thị T1**, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1986 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm L2, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn A và bà Đàm Thị N; có chồng là Đàm Văn V và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

6. Họ và tên: **Đàm Thị A**, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1992 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản N, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Văn C và bà Mông Thị N; có chồng là Ngô Văn K và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

7. Họ và tên: **Mông Văn B1**, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1965 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm A1, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mông Văn C (đã chết) và bà Thạch Thị S (đã chết); có vợ là Nông Thị H và có 03 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/11/2020 đến 14/11/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện E; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 14/11/2020 đến nay; có mặt.

8. Họ và tên: **Bế Thị Q**, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1977 tại xã C1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã S, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bế Văn V và bà Đinh Thị N; có chồng là Đàm Văn H và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/11/2020 đến 14/11/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện E; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 14/11/2020 đến nay; có mặt.

9. Họ và tên: **Ngọc Văn H**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1936 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm M, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngọc Văn T (đã chết) và bà Chu Thị M (đã chết); có vợ là Hứa Thị L và có 07 con, con lớn sinh năm 1960, con nhỏ sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2021 đến nay; có mặt.

10. Họ và tên: **Phan Văn M**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1991 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Phố K, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị L; có vợ là Đàm Thị L và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/5/2008 bị Công an huyện P ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

11. Họ và tên: **Bế Văn Y**, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1985 tại xã C1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm O, xã C1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Văn S (đã chết) và bà Ma Thị R; có vợ là Ma Thị B và có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

12. Họ và tên: **Bế Văn N1**, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1972 tại xã C1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm O, xã C1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa 07/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bế Ích C (đã chết) và bà Bế Thị T; có vợ là: Bế Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

13. Họ và tên: **Bế Ích D1**, sinh ngày 23 tháng 9 năm 1989 tại xã C1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm B1, xã C1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Ích M (đã chết) và bà Sầm Thị N; có vợ là Hứa Thị H và có 02, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

14. Họ và tên: **Mông Thị P**, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1984 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố 3, TT. H1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Nhân viên Văn phòng huyện ủy E; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mông Văn L (đã chết) và bà Lục Thị T; có chồng là Bế Văn T và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/12/2020 đến nay; có mặt.

15. Họ và tên: **Hoàng Văn C1**, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1992 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Phố K, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Ch và bà Đàm Thị T; có vợ là: Nông Thị K và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự:

Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

16. Họ và tên: Vương Văn T2, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1966 tại thị trấn L1, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố K1, TT.L1, huyện E, Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vương Văn N (đã chết) và bà Trịnh Thị T; có vợ là Lục Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/11/2006 bị Tòa án nhân dân huyện P xử 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc theo Bản án số 18/2011/HSST.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

17. Họ và tên: Lương Văn Đ1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1995 tại xã S, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm H1, xã S, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H (đã chết) và bà Lương Thị L; có vợ là Phùng Thị H, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/12/2020 đến nay; có mặt.

18. Họ và tên: Hoàng Văn K2, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1995 tại xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Phó K, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Tiến H và bà Chu Thị N; có vợ là Đàm Thị N và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 05/11/2020, Tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm Công an huyện E đang tuần tra kiểm soát tại khu vực xóm A1, xã K, huyện E thì phát hiện đại lý xổ số kiến thiết tại nhà riêng của Mông Văn B1 có biểu hiện bán vé số không đúng quy định (ghi số lô, số đề trái phép) nên đã tiến hành kiểm tra; phát hiện Mông Văn B1 đang tổng hợp số lô, số đề trong ngày 05/11/2020, đồng thời phát hiện 04 người ở trong nhà Mông Văn B1 đã mua số lô, số đề,

gồm: Triệu Văn H2, sinh năm 1976, trú tại xóm C2, xã S, huyện E, tỉnh Cao Bằng; Mông Văn Q, sinh năm 1987, trú tại xóm S1, xã S, huyện E, tỉnh Cao Bằng; Hoàng Văn N2, sinh năm 1983, trú tại A1, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng và Phan Văn Q2, sinh năm 1972, trú tại A1, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng.

Mông Văn B1 khai, đang tổng hợp bảng số lô, số đề để gửi cho Ngô Văn T, trú tại phố K, xã K, huyện E qua ứng dụng Zalo nên Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ: 1 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng có nhiều vết xước mặt màn hình, gắn sim số: 0363854057, số tiền 4.821.000đ (Bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng) và 06 (Sáu) bảng kê ghi số lô, số đề từ ngày 13, 14, 15, 16, 19, 20/9/2020 (âm) tức là ngày 29, 30, 31/10/2020 và ngày 01, 04, 05/11/2020 Dương lịch, đồng thời đưa bốn người mua số lô, số đề với B1 về cơ quan Công an để tiếp tục điều tra làm rõ.

Hồi 19 giờ 05 phút cùng ngày, Công an huyện E đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Mông Văn B1 tại xóm A1, xã K, E, Cao Bằng. Quá trình khám xét tạm giữ: 11 (Mười một) bảng kê dự thưởng lô tô huyện; 02 (Hai) cộc vé số lô tô; 01 (Một) bút bi màu hồng, mực xanh, không nắp và 01 (Một) giấy phép đại lý bán vé xổ số kiến thiết Cao Bằng số GP: 131, mang tên Nông Thị H3 (là vợ của B1).

Căn cứ vào lời khai của Mông Văn B1, hồi 19 giờ 20 phút ngày 05/11/2020 Công an huyện E tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ngô Văn T tại phố K, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng. Khi tiến hành khám xét phát hiện Bé Thị D (vợ của T) đang tổng hợp các số lô, số đề trên điện thoại di động do các thư ký chuyển đến, quá trình khám xét đã tạm giữ những đồ vật, tài liệu sau:

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu trắng hồng, màn hình cảm ứng, gắn sim số: 0869659688, số phiên bản R7SFEX-11-170311, máy đã qua sử dụng của Bé Thị D.

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu vàng đồng, ốp lưng màu đỏ vàng, loại Samsung Galaxy S7 EDGE, số Seri: R58H52K82AV, máy cũ đã qua sử dụng của Ngô Văn T.

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu xanh, đen, màn hình cảm ứng, kiểu máy CPH1825, số IMEI là 866376046804438, máy cũ đã qua sử dụng của Bé Thị D.

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Vsmart, màu xanh dương, số IMEI 1: 356743103476813, máy cũ đã qua sử dụng của Ngô Văn T.

- 01 (Một) máy tính Casio, DF120Rm, màu nâu trắng; 01 (Một) máy tính Casio Fx-750 ms.

- Tạm giữ số tiền 15.310.000đ (Mười năm triệu ba trăm mười nghìn đồng).

- Tạm giữ 01 (Một) máy Fax, nhãn hiệu Panasonic KX-FT983, màu đen.

- Tạm giữ 02 (Hai) giấy phép tổng đại lý, đại lý bán vé xổ số kiến thiết Cao Bằng của Ngô Văn T.

- Tạm giữ 19 (Mười chín) tờ giấy ghi các con số và ngày, tháng có chữ ký của Bé Thị D ở từng tờ.

- Tạm giữ 02 (Hai) quyển sổ, quyển số 01 có 84 (Tám mươi tư) mặt giấy có ghi các con số và chữ ký của Bé Thị D; quyển số 02 có 15 (Mười năm) mặt giấy có ghi các con số và chữ ký của Bé Thị D.

Tại cơ quan điều tra, Ngô Văn T khai nhận: Bản thân là tổng đại lý Xổ số của Công ty TNHH một Tnh viên xổ số kiến thiết Cao Bằng (gọi tắt là Công ty Xổ số) từ đầu năm 2020, nhưng do thu nhập thấp nên Ngô Văn T và vợ là Bé Thị D đã lợi dụng hoạt động tổng đại lý để tổ chức cho các đại lý, thư ký mua bán số lô, số đề trái pháp luật và trực tiếp mua bán số lô, số đề cho những người chơi trên địa bàn huyện E. Ngô Văn T và Bé Thị D sử dụng tài khoản Zalo “Ngọc Qu” đăng ký bằng số điện thoại 0869659688 và tài khoản Zalo “Ngo T” đăng ký bằng số điện thoại 0985293816 để nhận các bảng ghi số lô, số đề trái pháp luật (gọi chung là bảng lô, đề) của các đại lý, thư ký và từ người chơi. Toàn bộ số lô, số đề nhận được, T và D tổng hợp lại rồi chuyển một phần cho Công ty Xổ số với số tiền khoán theo hợp đồng giữa T và Công ty xổ số; một phần chuyển cho Hoàng Thị H4, sinh năm 1977, trú tại tổ dân phố 7, thị trấn H1, E, Cao Bằng sử dụng tài khoản Zalo tên “Phúc” để hưởng tiền phần trăm; một phần T và D giữ lại để trực tiếp cá cược ăn thua với người mua số lô, số đề.

Cách thức và tỷ lệ chơi số lô, số đề được T quy định như sau: Đối với số lô T và D nhận từ thư ký 22.000đ đến 22.500đ/01 điểm lô và chuyển đi cho Hòa 21.800đ /01 điểm lô, T và D được hưởng 200đ đến 700đ/01 điểm lô. Đối với số đề T và D nhận của các đại lý, thư ký từ 75% đến 80% trên tổng số tiền đề ghi được và chuyển cho Hòa 73%, T và D được hưởng từ 02 đến 07% trên tổng số tiền đề bán được. Đối với lô xiên, 03 số (ba càng), T và D nhận của thư ký 90% trên tổng số tiền ghi được sau đó chuyển cho Công ty xổ số. Cách thức trả thưởng được tính theo tỷ lệ như sau: Đối với số đề, căn cứ vào hai số cuối giải đặc biệt của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày, nếu người mua số trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì sẽ trúng thưởng và được trả gấp 70 lần số tiền người chơi đã mua số đề; đối với số lô thì so sánh hai số cuối của tất cả 27 giải thưởng nếu người chơi nào trùng với hai số cuối của 27 giải thưởng thì xác định là trúng thưởng và được trả thưởng theo tỷ lệ 01 điểm lô bằng 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng) và cứ thế nhân lên tương ứng với số điểm lô của người chơi và số lần trùng giải; đối với lô xiên 2, căn cứ vào hai số cuối cùng của các giải trong bảng kết quả xổ số nếu trùng 02 cặp số thì sẽ được trả gấp 10 lần số tiền chơi; đối với lô xiên 3 căn cứ vào hai số cuối cùng của các giải trong bảng kết quả xổ số nếu trùng 03 cặp số thì sẽ được trả gấp 40 lần số tiền chơi; đối với lô xiên 4 căn cứ vào hai số cuối cùng của các giải trong bảng kết quả xổ số nếu trùng 04 cặp số thì sẽ được trả gấp 100 lần số tiền chơi; đối với 03 số (ba càng) nếu người chơi nào trùng với ba số cuối cùng của giải đặc biệt thì sẽ trúng thưởng và được trả gấp 350 lần số tiền người chơi đã mua số. Số tiền đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, số đề giữa Ngô Văn T với các đại lý, thư ký và người chơi sẽ được thanh toán trực tiếp với nhau bằng tiền mặt hoặc thông qua tài khoản Ngân hàng.

Qua điều tra xác định được từ tháng 10/2020 đến ngày 05/11/2020 T và D đã tổ chức mua, bán số lô, số đề cho các đại lý xổ số, thư ký và người chơi được tổng số tiền 2.345.134.000đ (Hai tỷ ba trăm bốn mươi năm triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng); sau đó tổng hợp các số lô, số đề rồi chuyển cho Hoàng Thị

H4 (tài khoản zalo “Phúc”), thu lợi bất chính 53.188.840đ (Năm mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi đồng), trong đó xác định có 07 (Bảy) ngày có số tiền để đánh bạc đều trên 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) trở lên, ngày cao nhất lên đến tổng số tiền 460.853.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Bé Thị D đã tự nguyện nộp số tiền 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi năm triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

Trong số các thư ký và những người chơi đã mua bán số lô, số đề trái phép với Ngô Văn T và Bé Thị D, cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định và làm rõ được 11 (Mười một) thư ký và 03 người chơi có số tiền xác định dùng để đánh bạc trên 5.000.000đ (Năm triệu đồng), cụ thể:

1. Mông Văn B1, trú tại xóm A1, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng là đại lý bán vé xổ số cho tổng đại lý Ngô Văn T nhưng không thực hiện đúng việc bán vé xổ số theo quy định mà lợi dụng danh nghĩa đại lý để mua bán số lô, số đề trái phép qua tin nhắn Zalo với Ngô Văn T và Bé Thị D để hưởng lợi. Đối với số tiền đề bán được, B1 trả cho T 75% trên tổng số tiền bán được, trong đó B1 trích cho người chơi 10% trên tổng số tiền mua đề và được hưởng lợi 15% tổng số tiền. Đối với 01 (Một) điểm lô thì B1 bán cho người chơi 23.000đ, trả cho T 22.000đ, hưởng lợi 1.000đ. Đối với lô xiên và ba càng được hưởng lợi 10%. Cách thức trả thưởng được tính theo quy định của Ngô Văn T. Từ ngày 27/10/2020 đến ngày bị bắt 05/11/2020 B1 đã mua, bán số lô, số đề với tổng số tiền là 41.889.000đ (Bốn mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng), số tiền xác định trúng thưởng là 24.670.000đ (Hai mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó có 06 ngày có số tiền xác định để đánh bạc đều trên 5.000.000đ, ngày cao nhất lên đến 11.386.000đ (Mười một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Trong quá trình điều tra, Mông Văn B1 đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.103.000đ (Năm triệu một trăm linh ba nghìn đồng) là tiền đánh bạc ngày 4/11/2020 chưa thanh toán với T và nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, theo lời khai của Mông Văn B1 thì còn có Lý Văn L1, trú tại phố K, K, E, Cao Bằng; Hoàng Văn P2, Phan Văn K2, và Mông ích B2 cùng trú tại xóm A1, K, E, Cao Bằng là những người mua số lô, số đề với B1. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra L1, P2, K3 và B2 không thừa nhận hành vi mua số lô, số đề trái phép với B1 và không có tài liệu khác để chứng minh việc mua số lô, số đề trái phép nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

2. Đàm Văn B, trú tại Đ, S, E, Cao Bằng là đại lý bán vé Xổ số cho tổng đại lý Ngô Văn T nhưng đã không thực hiện đúng quy định về bán vé xổ số mà từ ngày 11/9/2020 đến ngày 05/11/2020, Đàm Văn B đã có hành vi tổ chức đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề cho nhiều người. Sau đó sử dụng tài khoản Zalo tên “B Còi” đăng ký số điện thoại là: 0969582994 để chuyển gửi hình ảnh chụp bảng số lô, đề trong ngày cho Bé Thị D qua tài khoản Zalo “Ngọc Qu”. Sau khi nhận được bảng lô, đề D trả lời lại qua zalo là “ok”. Đối với số đề: B thanh toán cho D 73% trên tổng số tiền khách mua số đề, chia cho khách mua số

đề 15%, còn B hưởng lợi 12% trên tổng số tiền bán đề. Đối với số lô xiên và ba càng hưởng lợi 10%; đối với 01 điểm lô B thu của người chơi 23.000đ và chuyển cho Bé Thị D 22.000đ, được hưởng lợi 1.000đ. Qua điều tra làm rõ được tổng số tiền xác định B dùng để đánh bạc là 522.474.000đ (Năm trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), có số tiền xác định trúng thưởng 269.260.000đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng), thu lợi 13.192.480đ (Mười ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi một đồng). Trong đó có 07 (Bảy) ngày có tổng số tiền xác định dùng đánh bạc trên 20.000.000đ, ngày nhiều nhất là 48.728.000đ (Bốn mươi tám triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng). Quá trình điều tra Đàm Văn B tự nguyện nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả.

Những người mua số lô, số đề với Đàm Văn B, Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ và xác định được Lương Văn Đ1, trú tại H1, S, E, Cao Bằng trực tiếp mua số lô, số đề với B từ ngày 15/9/2020 đến ngày 05/11/2020 với tổng số tiền xác định dùng vào đánh bạc là 209.824.000đ (Hai trăm linh chín triệu tám trăm hai mươi tư nghìn đồng), có số tiền xác định trúng thưởng là 126.400.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền mua số lô, số đề là 83.460.000đ (Tám mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó có 16 (Mười sáu) ngày có tổng số tiền xác định dùng đánh bạc trên ví 5.000.000đ, ngày 24/10/2020 có số tiền đánh bạc nhiều nhất là 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng), ngày 02/11/2020 có số tiền đánh bạc thấp nhất là 5.040.000đ (Năm triệu không trăm linh bốn nghìn đồng).

Ngoài ra còn có Triệu Văn Đ2, trú tại xóm Ch, xã S, huyện E; Dịch Văn H, Hứa Văn T và Dịch Văn H đều trú tại xóm H1, xã S, huyện E; Nông Văn N trú tại xóm Đ, xã S, huyện E; Đàm Văn T trú tại xóm Đ, xã S, huyện E và Nông Văn Giang trú tại xóm Lũng Lầu, xã S, huyện E là những người trực tiếp mua số lô, số đề với B nhưng đều có số tiền xác định dùng để đánh bạc dưới 5.000.000đ và nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

3. Bé Thị Q, trú tại xóm Đ, xã S, huyện E, tỉnh Cao Bằng là thư ký mua, bán số lô, số đề trái phép với T qua tin nhắn Zalo. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/8/2020 đến ngày 05/11/2020 đã thực hiện việc mua, bán số lô, số đề trái phép với tổng số tiền là 640.753.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng), trong đó số tiền xác định trúng thưởng là 283.630.000đ (Hai trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) và có 54 ngày có tổng số tiền xác định dùng đánh bạc đều trên 5.000.000đ, ngày thấp nhất là 5.038.000đ và ngày cao nhất là 19.025.000đ. Quá trình điều tra,

Bé Thị Q đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

Quá trình mở rộng điều tra xác định và làm rõ được Hoàng Văn K2, trú tại phố K, xã K, E, Cao Bằng đã sử dụng số thuê bao 0328156243 gửi tin nhắn đến số thuê bao 0388319138 của Bé Thị Q để mua số lô, số đề. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/10/2020 đến ngày 05/11/2020 xác định được tổng số tiền K2 dùng để đánh bạc là 41.450.000đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn

đồng), số tiền xác định trúng thưởng là 26.400.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó có 03 (ba) ngày có số tiền xác định dùng để đánh bạc đều trên 5.000.000đ gồm: Ngày 01/11/2020 là 15.450.000đ; ngày 02/11/2020 là 6.300.000đ và ngày 05/11/2020 là 10.300.000đ. Quá trình điều tra Hoàng Văn K2 đã tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh, loại bàn phím bấm, gắn sim số 0328156243, K2 khai đây là điện thoại và sim K2 dùng để liên lạc, nhắn tin mua các số lô, số đề với Bế Thị Q. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại nhưng trong máy không có tài liệu gì liên quan đến việc mua số lô, số đề của Khánh.

4. Ngọc Văn H, trú tại xóm M, K, E, Cao Bằng là thư ký mua, bán số lô, số đề trái phép. Hoan sử dụng tài khoản Zalo “Nam” để gửi các hình ảnh chụp bảng số lô, đề gửi qua tài khoản Zalo “Ngọc Qu” cho Bế Thị D để hưởng lợi 10% tổng số tiền bán đề và 500đ/01 điểm lô. Trong thời gian từ ngày 29/10/2020 đến ngày 05/11/2020 tổng số tiền xác định dùng để đánh bạc là 34.341.000đ (Ba mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng), có số tiền xác định trúng thưởng 15.180.000đ (Mười năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó có 04 (bốn) ngày có số tiền xác định để đánh bạc đều trên 5.000.000đ, gồm: Ngày 29/10/2020 là 5.408.000đ, ngày 31/10/2020 là 5.353.000đ, ngày 02/11/2020 là 5.460.000đ và ngày 03/11/2020 là 5.213.000đ.

Tài khoản Zalo “Nam” do cháu của Ngọc Văn H là Ngọc Hải Nam, sinh năm 2001, trú tại xóm M, xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng đăng ký cuối năm 2019, tuy nhiên đến nay không nhớ số điện thoại dùng để đăng ký. Quá trình xác minh Ngọc Hải Nam không liên quan đến hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề.

5. Phan Văn M, trú tại phố K, K, E, Cao Bằng là đại lý bán vé xổ số cho tổng đại lý Ngô Văn T nhưng đã lợi dụng danh nghĩa đại lý để mua bán số đề trái phép. Ngày 04/11/2020 V sử dụng tài khoản Zalo “Hoàng Thị L” đăng ký bằng số điện thoại 0834345946 để gửi bảng số đề đến tài khoản Zalo “Ngọc Qu” cho Bế Thị D. Tổng số tiền xác định đánh bạc trong ngày là 9.735.000đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi năm nghìn đồng), trong đó có số tiền xác định trúng thưởng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra, ngày 06/5/2021 Phan Văn M đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện E tự nguyện nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

6. Đàm Thị T1, trú tại xóm Lăng Hoài, K, E, Cao Bằng là đại lý bán vé xổ số cho tổng đại lý Ngô Văn T nhưng đã lợi dụng danh nghĩa đại lý để mua bán số đề trái phép rồi dùng tài khoản Zalo tên “Damvanviet” gửi bảng lô, đề đến tài khoản Zalo “Ngo T” của Ngô Văn T. Ngày 05/11/2020 Thuấn đã mua bán số lô, số đề với tổng số tiền là 41.100.000đ (Bốn mươi một triệu một trăm nghìn đồng), trong đó số tiền xác định trúng thưởng là 31.830.000đ (Ba mươi một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), thu lợi 252.000đ (Hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Ngày 13/5/2021 Đàm Thị T1 đã tự nguyện nộp số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

7. Đàm Thị C, trú tại phố K, K, E, Cao Bằng là đại lý bán vé Xổ số cho tổng đại lý Ngô Văn T nhưng đã lợi dụng danh nghĩa đại lý để mua bán số lô, đề trái phép rồi dùng tài khoản Zalo “Thu D” đăng ký bằng số điện thoại 0917093475 gửi bảng ghi số lô, số đề đến tài khoản Zalo “Ngọc Qu” của Bé Thị D. Trong ngày 04/11/2020 và 05/11/2020 tổng số tiền xác định để đánh bạc là 52.430.000đ (Năm mươi hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng), cụ thể: Ngày 04/11/2020 là 31.530.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng); ngày 05/11/2020 là 20.900.000đ (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng); số tiền xác định trúng thưởng là 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng), thu lợi 5.207.000đ (Năm triệu hai trăm không bảy nghìn đồng).

Ngày 7/5/2021 Đàm Thị C đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện E tự nguyện nộp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

8. Bé Văn Y, trú tại xóm O, K, E, Cao Bằng là thư ký mua, bán số lô, số đề. Y trực tiếp bán số lô, số đề cho người chơi rồi dùng tài khoản Zalo “Minh” đăng ký bằng số điện thoại 0389032185 gửi bảng ghi số lô, đề đến tài khoản zalo “Ngọc Qu” của Bé Thị D. Trong ngày 04/11/2020 và 05/11/2020 tổng số tiền xác định để đánh bạc là 27.571.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng), cụ thể: Ngày 04/11/2020 là 17.646.000đ (mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), ngày 05/11/2020 là 9.925.000đ (Chín triệu chín trăm hai mươi năm nghìn đồng); số tiền xác định trúng thưởng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Ngày 10/5/2021 Bé Văn Y đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện E tự nguyện nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

9. Bé Văn N1, trú tại xóm O, C1, E, Cao Bằng là đại lý bán vé xổ số cho tổng đại lý Ngô Văn T nhưng đã lợi dụng danh nghĩa đại lý để mua, bán số lô, đề trái phép rồi dùng tài khoản Zalo “Bé N1” đăng ký bằng số điện thoại 0974607325 gửi bảng ghi số lô, số đề đến tài khoản Zalo “Ngọc Qu” của Bé Thị D. Trong các ngày từ ngày 01/11/2020 đến 05/11/2020 tổng số tiền xác định dùng để đánh bạc là 19.480.000đ (Mười chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), có số tiền xác định trúng thưởng là 6.050.000đ (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó có ngày 05/11/2020 có số tiền xác định để đánh bạc là 5.825.000đ (Năm triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Ngày 10/5/2021 Bé Văn N1 đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện E tự nguyện nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

10. Bé ích D1, trú tại xóm B1, C1, E, Cao Bằng là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Du làm đại lý bán vé Xổ số cho tổng đại lý Ngô Văn T nhưng đã lợi dụng danh nghĩa đại lý để mua, bán số lô, đề trái phép rồi dùng tài khoản Zalo “Hung Hòa D” đăng ký bằng số điện thoại 0974160822 gửi bảng ghi số lô, số đề đến tài khoản Zalo “Ngọc Qu” của Bé Thị D. Trong ngày 04/11/2020 và 05/11/2020 tổng số tiền xác định để đánh bạc là 30.076.000đ (Ba mươi triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), cụ thể: Ngày 04/11/2020 là 10.932.000đ

(Mười triệu chín trăm ba hai nghìn đồng); ngày 05/11/2020 là 19.144.000đ (Mười chín triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng); số tiền xác định trúng thưởng là 13.200.000đ (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 10/5/2021 Bé ích D1 đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện E tự nguyện giao nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

11. Vương Văn T2, trú tại tổ dân phố K1, thị trấn L1, E, Cao Bằng là đại lý bán vé Xổ số cho tổng đại lý Ngô Văn T nhưng đã lợi dụng danh nghĩa đại lý để mua, bán số lô, đề trái phép rồi dùng tài khoản Zalo “Thái” đăng ký bằng số điện thoại 0977806288 gửi bảng ghi số lô, số đề đến tài khoản Zalo “Ngọc Qu” của Bé Thị D. Trong ngày 04/11/2020 và 05/11/2020 tổng số tiền xác định để đánh bạc là 16.640.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), cụ thể: Ngày 04/11/2020 là 8.870.000đ (Tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng); ngày 05/11/2020 là 7.770.000đ (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng); số tiền xác định trúng thưởng là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 10/5/2021 Vương Văn T2 đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện E tự nguyện nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

12. Đàm Thị A, trú tại phố K, K, E, Cao Bằng là người trực tiếp mua số số, số đề trái phép với Bé Thị D qua tin nhắn Zalo. D trực tiếp ghi các số lô, số đề mình muốn mua ra giấy rồi chụp ảnh gửi qua tin nhắn từ tài khoản Zalo “Đu Đu” đến tài khoản Zalo “Ngọc Qu”. Trong ngày 04/11/2020 và 05/11/2020 tổng số tiền xác định đánh bạc là 548.420.000đ (Năm trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền xác định trúng thưởng là 278.800.000đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó, ngày 04/11/2020 tổng số tiền xác định để đánh bạc là 294.280.000đ (Hai trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), ngày 05/11/2020 tổng số tiền xác định để đánh bạc là 254.140.000đ (Hai trăm năm mươi bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngày 07/5/2021 Đàm Thị A đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện E tự nguyện nộp 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

13. Mông Thị P, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn H1, E, Cao Bằng là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Phượng trực tiếp mua số số, số đề trái phép với Bé Thị D qua tin nhắn Zalo. D trực tiếp ghi các số lô, số đề mình muốn mua ra giấy rồi chụp ảnh gửi qua tin nhắn từ tài khoản Zalo “Mơ P” đăng ký bằng số điện thoại 0985285125 đến tài khoản Zalo “Ngọc Qu” của Bé Thị D. Tổng số tiền xác định để đánh bạc trong ngày 04/11/2020 và 05/11/2020 là 23.939.000đ (Hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng), số tiền xác định trúng thưởng là 12.940.000đ. Trong đó, số tiền xác định đánh bạc trong ngày 04/11/2020 là 15.719.000đ (Mười năm triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng), ngày 05/11/2020 là 8.220.000đ (Tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Mông Thị P đã tự nguyện nộp số tiền 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng) để khắc phục hậu quả và đảm bảo thi hành bản án.

14. Hoàng Văn C1, trú tại phố K, xã K, E, Cao Bằng là người sử dụng số điện thoại 0829478886 gửi tin nhắn đến số điện thoại 0985293816 của Ngô Văn T để mua số lô, số đề trong ngày 01/11/2020 và ngày 05/11/2020 với tổng số tiền xác định đánh bạc là 35.600.000đ (Ba mươi năm triệu sáu trăm nghìn đồng), có số tiền xác định trúng thưởng là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Trong đó số tiền xác định đánh bạc ngày 01/11/2020 là 15.800.000đ (Mười năm triệu tám trăm nghìn đồng), ngày 05/11/2020 là 19.800.000đ (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, giải quyết vụ án Công an huyện E đã tiến hành tạm giữ một số đồ vật, tài sản liên quan đến hành vi mua bán trái phép số lô, số đề của các bị cáo để phục vụ công tác điều tra.

Đối với Nông Thị M (trú tại xóm Liên H, K, E, Cao Bằng); Lê Văn T (trú tại phố K, K, E, Cao Bằng); Nông Văn D (trú tại Lãng H II, K, E, Cao Bằng); Triệu Minh H (trú tại Lãng H, K, E, Cao Bằng); Bế Văn H (trú tại M, K, E, Cao Bằng); Chu Thị T (trú tại Lãng H, K, E, Cao Bằng) và Thạch Văn T (trú tại Cốc C, S, E, Cao Bằng) là những người đã thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề trái phép với Ngô Văn T và Bế Thị D. Còn những người mua số lô, số đề trái phép với Mông Văn B1 gồm: Phan Văn Q2 (trú tại xóm A1, K); Hoàng Văn N2 (trú tại xóm A1, K); Mông Văn Q (trú tại xóm S1, Đại Sơn); Triệu Văn H2 (trú tại xóm C2, S); Phan Trung H (trú tại xóm A1, K) và Mông Đình T (trú tại xóm A1, K). Những người có tên trên đều có số tiền xác định dùng để đánh bạc dưới 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nên Công an huyện E đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Đối với Hoàng Thị H4: Căn cứ vào lời khai của Ngô Văn T và Bế Thị D về việc các bảng ghi số lô, số đề sau khi tổng hợp lại sẽ được chuyển đến tài khoản Zalo “Phúc” của Hoàng Thị H4, trú tại tổ dân phố 7, thị trấn H1, E, Cao Bằng để hưởng phần trăm; ngày 08/11/2020 cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét chỗ ở của Hoàng Thị H4 và triệu tập H5 để tiến hành lấy lời khai xác minh làm rõ. Tại cơ quan điều tra, Hòa không thừa nhận tài khoản Zalo “Phúc” là của mình, bản thân không được nhận các bảng ghi số lô, số đề từ T và D. Ngoài lời khai của T và D thì không có tài liệu khác để chứng minh tài khoản Zalo “Phúc” là của H5 nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Hòa theo quy định pháp luật.

Theo lời khai của Ngô Văn T và Bế Thị D thì ngoài các thư ký và những người chơi trên còn có Lý Thị Th, trú tại Phố C, thị trấn U, E, Cao Bằng sử dụng tài khoản Zalo “Sương Mai” và Hoàng Thị Thúy trú tại K, E, Cao Bằng sử dụng tài khoản Zalo “Saldaga” là thư ký mua, bán số lô, số đề với T, D. Tuy nhiên, Th và T4 không thừa nhận việc mua bán số lô, số đề trái phép với T, D và không có tài liệu khác để chứng minh về hành vi chơi số lô, số đề trái phép nên không đủ căn cứ để xử lý.

Ngày 29/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 44/CT-VKSQH truy tố các bị cáo như sau: Ngô Văn T và Bế Thị D về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự. Đàm Văn B, Đàm Thị T1 và Đàm Thị C về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Đàm Thị A về tội “Đánh bạc” quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Mông Văn B1, Bé Thị Q, Ngọc Văn H, Vương Văn T2, Bé Văn Y, Hoàng Văn C1, Bé Văn N1, Bé ích D1, Phan Văn M, Hoàng Văn K2, Lương Văn Đ1 và Mông Thị P về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Tuyên bố:

Các bị cáo Ngô Văn T, Bé Thị D, Đàm Văn B, Đàm Thị C và Đàm Thị T1 phạm tội: “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Đàm Thị A, Mông Văn B1, Bé Thị Q, Ngọc Văn H, Vương Văn T2, Bé Văn Y, Hoàng Văn C1, Bé Văn N1, Bé ích D1, Phan Văn M, Hoàng Văn K2, Lương Văn Đ1 và Mông Thị P phạm tội: “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt chính:

1.1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 322; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Ngô Văn T** 6 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ 05/11/2020 đến 08/2/2021.

1.2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 322; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Bé Thị D** 5 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 05/11/2020 đến 14/11/2020.

1.3. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đàm Văn B** 2 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 05/11/2020 đến 14/11/2020.

1.4. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đàm Thị C** 01 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

1.5. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đàm Thị T1** 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đàm Thị T1 cho ủy ban nhân dân xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.6. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đàm Thị A 03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

1.7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Mông Văn B1** 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Bế Thị Q** 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm o, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Ngọc Văn H** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.10. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Phan Văn M** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.11. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Bế Văn Y** 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.12. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Bế Văn N1** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.13. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Bế ích D1** 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.14. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Mông Thị P** 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.15. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Hoàng Văn C1** 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.16. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Vương Văn**

T2 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.17. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Lương Văn Đ1: 40.000.000đ** (Bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.18. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Hoàng Văn K2: 30.000.000đ** (Ba mươi năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung màu vàng đồng, mặt màn hình cảm ứng có nhiều vết xước của bị cáo **Mông Văn B1** và số tiền 4.821.000đ (Bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng) do bị cáo B1 bán số lô, số đề mà có.

Truy thu khoản tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Bị cáo Mông Văn B1 3.097.900đ (Ba triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm đồng);

- Bị cáo Bế Thị Q 17.229.000đ (Mười bảy triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng);

- Bị cáo Vương Văn T2 1.460.000đ (Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng);

- Bị cáo Bế Văn Y 1.602.650đ (Một triệu sáu trăm linh hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng);

- Bị cáo Bế Văn N1 527.250đ (Năm trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng);

- Bị cáo Bế Ích D1 1.269.250đ (Một triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng);

- Bị cáo Phan Văn V 1.355.250đ (Một triệu ba trăm năm mươi năm nghìn hai trăm năm mươi đồng);

- Bị cáo Hoàng Văn K2 10.650.000đ (Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

- Bị cáo Lương Văn Đ1 14.570.000đ (Mười bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng);

- Bị cáo Mông Thị P 361.000đ (Ba trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm cũng đã tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2021, các bị cáo Ngọc Văn H, Đàm Thị C, Đàm Thị A, Đàm Văn B có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, các bị cáo Bế Thị D, Ngô Văn T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ra quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKN-VKSCB đối với bản án số 60/2021 ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xem xét lại việc tịch thu tiền dùng vào việc đánh bạc đối với Mông Văn B1 ngoài số tiền 4.821.000đ bị thu giữ khi bị bắt quả tang ngày 05/11/2021, thì cần tịch thu thêm số tiền 5.103.000đ là tiền bị cáo ghi sổ lô, sổ đề trái phép ngày 04/11/2021 mà bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra; đồng thời đề nghị xem xét lại việc truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo Mông Văn B1, Bé Thị Q, Vương Văn T2, Bé Văn Y, Bé Văn N1, Bé ích D1, Phan Văn M, Hoàng Văn K2, Lương Văn Đ1, Mông Thị P cho đúng với thực tế.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 bị cáo Đàm Văn B có đơn rút toàn bộ kháng cáo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 06/QĐKN-VKSCB ngày 28-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2021/HS-ST ngày 28-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng.

Bị cáo Đàm Thị A tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo.

Các bị cáo Ngọc Văn H, Đàm Thị C, Bé Thị D, Ngô Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của Bản án sơ thẩm.

Các bị cáo còn lại khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của Bản án sơ thẩm. Sau khi Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm các bị cáo nhất trí với bản án nên không kháng cáo. Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhận định: Bản án sơ thẩm số 60/2021/HS - ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng tuyên bố các bị cáo về tội danh và hình phạt là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản án sơ thẩm nhận định trong quá trình xét xử có 13 bị cáo tự nguyện nộp một khoản tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện và Công an huyện E, Cao Bằng được hưởng lợi từ hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc Áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa chính xác.

Tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc

khắc phục hậu quả” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đây là trường hợp người phạm tội đã gây ra thiệt hại, tức là thiệt hại thực tế đã xảy ra nhưng người phạm tội đã sửa chữa, bồi thường những thiệt hại do mình gây ra cho bên bị thiệt hại hoặc đã tự nguyện khắc phục hậu quả của tội phạm.

Ngoài ra về việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra bị cáo Mông Văn B1 đã tự nguyện nộp số tiền 5.103.000 đồng là tiền ghi sổ lô, số đề ngày 04/11/2020 nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền trên là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Việc truy thu số tiền thu lợi bất: Đối với bị cáo Hoàng Văn C1 căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 01/11/2020 và ngày 05/11/2020 bị cáo Chương đã được hưởng lợi 24.400.000 đồng từ việc đánh bạc; bị cáo Ngọc Văn H được hưởng lợi 885.700 đồng nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên truy thu số tiền trên đối với bị cáo là không đúng quy định.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo, bản án sơ thẩm tuyên Mông Văn B1: 3.097.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.480.800 đồng, chênh lệch 1.616.200 đồng; Bé Thị Q: 17.229.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 19.234.500 đồng, chênh lệch 2.005.500 đồng; Vương Văn T2: 1.460.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.004.000 đồng, chênh lệch 456.000 đồng; Bé Văn Y: 1.602.650 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.225.100 đồng, chênh lệch 347.550 đồng; Bé Văn N1: 527.250 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 225.500 đồng, chênh lệch: 302.250 đồng; Bé ích D1: 1.269.250 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.027.500 đồng, chênh lệch 241.750 đồng; Phan Văn M: 1.355.250 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 451.750 đồng, chênh lệch 903.500 đồng; Hoàng Văn K2: 10.650.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 10.250.000 đồng, chênh lệch 400.000 đồng; Lương Văn Đ1: 14.570.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 61.170.000 đồng, chênh lệch 46.600.000đ; Mông Thị P: 361.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.941.000 đồng, chênh lệch 1.580.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Sửa bản án sơ thẩm: Không cho các bị cáo Ngô Văn T; Bé Thị D; Mông Văn B1; Đàm Văn B; Bé Thị Q; Phan Văn M; Đàm Thị T1; Đàm Thị C; Bé Văn Y; Bé Văn N1; Bé ích D1; Vương Văn T2; Mông Thị P được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xem xét lại việc truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo Ngọc Văn H, Đàm Thị C, Đàm Thị A, Bé Thị D, Ngô Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo còn lại không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2021, các bị cáo Ngọc Văn H, Đàm Thị C, Đàm Thị A, Đàm Văn B có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt. Ngày 11/10/2021, các bị cáo Bé Thị D, Ngô Văn T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của bị cáo viết trong hạn luật định và thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 bị cáo Đàm Văn B có đơn rút toàn bộ kháng cáo, xét đơn rút kháng cáo của bị cáo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đàm Thị A xin rút toàn bộ kháng cáo; xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo Đàm Văn B, Đàm Thị A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, do vậy cần đình chỉ xét xử phúc thẩm về nội dung kháng cáo của bị cáo Đàm Văn B và Đàm Thị A.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm xác định được: Lợi dụng kết quả xỏ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày, từ tháng 10/2020 đến 05/11/2020 Ngô Văn T lấy danh nghĩa là Tổng đại lý Công ty TNHH một Tnh viên xỏ số kiến thiết Cao Bằng đã có hành vi tổ chức đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép 07 (bảy) lần cho nhiều người được tổng số tiền là 2.345.134.000đ (hai tỷ ba trăm bốn mươi năm triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng), thu lợi bất chính 53.188.840đ (năm mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi đồng). Việc tổ chức đánh bạc của T có sự tham gia giúp sức với vai trò thực hành tích cực của Bé Thị D là vợ của T.

Quá trình điều tra, xác định được Đàm Văn B đã tổ chức đánh bạc 07 (bảy) lần với tổng số tiền 522.474.000đ (Năm trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), thu lợi 13.192.481đ (mười ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi một đồng); Đàm Thị C tổ chức đánh bạc 02 (hai) lần với tổng số tiền 52.430.000đ (năm mươi hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng), thu lợi 5.207.000đ (năm triệu hai trăm không bảy nghìn đồng); Đàm Thị T1 tổ chức đánh bạc 01 (một) lần với tổng số tiền 41.100.000đ (bốn mươi một triệu một trăm nghìn đồng), thu lợi 252.000đ (hai trăm năm mươi hai nghìn đồng). Những người đánh bạc với Ngô Văn T và Bé Thị D gồm có: Mông Văn B1 06 (sáu) lần với tổng số tiền 41.889.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng); Bé Thị Q 54 (năm mươi tư) lần với tổng số tiền 640.753.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng); Ngọc Văn H 04 (bốn) lần với tổng số tiền 34.341.000đ (ba mươi bốn triệu ba

trăm bốn mươi một nghìn đồng); Phan Văn M 01 (một) lần với tổng số tiền 9.735.000đ (chín triệu bảy trăm ba mươi năm nghìn đồng); Bé Văn Y 02 (hai) lần với tổng số tiền 27.571.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng); Bé Văn N1 01 (một) lần với tổng số tiền 5.825.000đ (năm triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng); Bé ích D1 02 (hai) lần với tổng số tiền 30.076.000đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); Vương Văn T2 02 (hai) lần với tổng số tiền 16.640.000đ (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); Đàm Thị A 02 (hai) lần với tổng số tiền 548.420.000đ (năm trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng); Mông Thị P 02 (hai) lần với tổng số tiền 23.939.000đ (hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng); Hoàng Văn C1 02 (hai) lần với tổng số tiền 35.600.000đ (ba mươi năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Hoàng Văn K2 đánh bạc với Bé Thị Q 03 (ba) lần với tổng số tiền 41.450.000đ (bốn mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Lương Văn Đ1 đánh bạc với Đàm Văn B 16 (mười sáu) lần với tổng số tiền 209.824.000đ (hai trăm linh chín triệu tám trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên các bị cáo Ngô Văn T, Bé Thị D, Đàm Văn B, Đàm Thị C và Đàm Thị T1 bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng về tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Đàm Thị A, Mông Văn B1, Bé Thị Q, Ngọc Văn H, Vương Văn T2, Bé Văn Y, Hoàng Văn C1, Bé Văn N1, Bé ích D1, Phan Văn M, Hoàng Văn K2, Lương Văn Đ1 và Mông Thị P bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng về tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Bản án sơ thẩm đã nhận định trong quá trình xét xử có 13 bị cáo tự nguyện nộp một khoản tiền tại Chi cục thi hành án dân sự và Công an huyện E, Cao Bằng được hưởng lợi từ hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc của các bị cáo không có thiệt hại xảy ra nên việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên là không chính xác.

Bản án cấp sơ thẩm đã nêu: Quá trình điều tra bị cáo Mông Văn B1 đã tự nguyện nộp số tiền 5.103.000đ là tiền đánh bạc ngày 4/11/2020 chưa thanh toán với T, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm không tuyên tịch thu số tiền trên sung công quỹ Nhà nước là không chính xác.

Việc truy thu số tiền thu lợi bất chính: Đối với bị cáo Hoàng Văn C1 căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 01/11/2020 và ngày 05/11/2020 bị cáo Chương đã được hưởng lợi 24.400.000 đồng từ việc đánh bạc; bị cáo Ngọc

Văn H được hưởng lợi 885.700 đồng nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên truy thu số tiền trên đối với bị cáo là không chính xác.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo, bản án sơ thẩm tuyên Mông Văn B1: 3.097.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.480.800 đồng, chênh lệch 1.616.200 đồng; Bé Thị Q: 17.229.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 19.234.500 đồng, chênh lệch 2.005.500 đồng; Vương Văn T2: 1.460.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.004.000 đồng, chênh lệch 456.000 đồng; Bé Văn Y: 1.602.650 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.225.100 đồng, chênh lệch 347.550 đồng; Bé Văn N1: 527.250 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 225.500 đồng, chênh lệch: 302.250 đồng; Bé ích D1: 1.269.250 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.027.500 đồng, chênh lệch 241.750 đồng; Phan Văn M: 1.355.250 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 451.750 đồng, chênh lệch 903.500 đồng; Hoàng Văn K2: 10.650.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 10.250.000 đồng, chênh lệch 400.000 đồng; Lương Văn Đ1: 14.570.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 61.170.000 đồng, chênh lệch 46.600.000đ; Mông Thị P: 361.000 đồng, số tiền bị cáo được hưởng lợi 1.941.000 đồng, chênh lệch 1.580.000 đồng.

Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét lại việc truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[4]. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Ngô Văn T, Bé Thị D, Ngọc Văn H, Đàm Thị C, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Ngô Văn T 06 (sáu) năm tù, Bé Thị D 05 (năm) năm tù và Đàm Thị C 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; Ngọc Văn H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc” là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không có tài liệu, chứng cứ mới cho việc kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn T, Bé Thị D, Ngọc Văn H, Đàm Thị C không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vụ án do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án thì các bị cáo Đàm Thị A, Đàm Văn B, Đàm Thị T1, Mông Văn B1, Bé Thị Q, Phan Văn M, Bé Văn Y, Bé Văn N1, Bé ích D1, Mông Thị P, Hoàng Văn C1, Vương Văn T2, Lương Văn Đ1, Hoàng Văn K2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Chấp nhận quyết định kháng nghị số: 06/QĐKN-VKSCB ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cao Bằng về áp dụng điều luật; về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp.

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn T, Bé Thị D, Ngọc Văn H, Đàm Thị C.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Đàm Văn B và Đàm Thị A.

- Về hình phạt chính:

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 322; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Ngô Văn T** 6 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ 05/11/2020 đến 08/2/2021.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Bé Thị D**: 5 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 05/11/2020 đến 14/11/2020.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đàm Văn B** 2 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 05/11/2020 đến 14/11/2020.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đàm Thị C** 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đàm Thị T1** 12 (Mười hai) tháng

tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo **Đàm Thị T1** cho ủy ban nhân dân xã K, huyện E, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đàm Thị A 03 (Ba)** năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Mông Văn B1** 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Bế Thị Q** 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm o, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Ngọc Văn H** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Phan Văn M** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Bế Văn Y** 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Bế Văn N1** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Bế ích D1** 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Mông Thị P** 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1

Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Hoàng Văn C1** 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Vương Văn T2** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Lương Văn Đ1**: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Hoàng Văn K2**: 30.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng:

Đối với bị cáo Mông Văn B1: Tịch thu phát mại để sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung màu vàng đồng, mặt màn hình cảm ứng có nhiều vết xước thu giữ của bị cáo; Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 4.821.000đ (Bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng) do bị cáo bán số lô, số đề mà có; Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.103.000đ (Năm triệu một trăm linh ba nghìn đồng) bị cáo tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra.

- Truy thu khoản tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

+ Bị cáo Mông Văn B1 1.480.800đ (Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng).

+ Bị cáo Bé Thị Q 19.234.500đ (Mười chín triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

+ Bị cáo Vương Văn T2 1.004.000đ (Một triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng).

+ Bị cáo Bé Văn Y 1.225.100đ (Một triệu hai trăm hai mươi năm nghìn một trăm đồng).

+ Bị cáo Bé Văn N1 225.500đ (Hai trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng).

+ Bị cáo Bé ích D1 1.027.500đ (Một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

+ Bị cáo Phan Văn V 451.750đ (Bốn trăm năm mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

+ Bị cáo Hoàng Văn K2 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bị cáo Lương Văn Đ1 61.170.000đ (Sáu mươi một triệu một trăm bảy

mười nghìn đồng).

+ Bị cáo Mông Thị P 1.941.000đ (Một triệu chín trăm bốn mươi một nghìn đồng).

+ Bị cáo Hoàng Văn C1 24.400.000đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Ngọc Văn H 885.700đ (Tám trăm tám mươi năm nghìn bảy trăm đồng).

4. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Ngô Văn T, Bế Thị D, Ngọc Văn H, Đàm Thị C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở Tư pháp tỉnh CB;
- TAND huyện E;
- VKSND huyện E;
- Công an huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Phòng KTNV và THA;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Công Hưng

